

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2020
Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 529/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐS-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 141W1, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày:

Bà Trần Thị Thanh P và ông Nguyễn Đức Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trần Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, quyển số II ngày 23/8/2005.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thời gian đầu cuộc sống khá hạnh phúc, đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và mối quan hệ giữa mẹ chồng và con dâu không tốt, mỗi khi có mâu thuẫn xảy ra ông Đ thường bênh vực mẹ mình mà không quan tâm đến vợ. Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên bà P lấy đồ bỏ nhà ra ngoài thuê trọ ở và đến năm 2017 thì đưa con về xã Long Phước, thành phố Bà Rịa thuê nhà ở cho đến nay.

Trong thời gian bà P bỏ ra ngoài sinh sống, ông Đ có đến gặp khuyên quay về để cùng nhau lo cho con cái, bà P yêu cầu vợ chồng thuê nhà ở riêng, nhưng ông Đ không đồng ý. Vợ chồng đã một thời gian dài sống ly thân nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 13/8/2004, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh ông Nguyễn Đức Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 141W1, khu phố Long Phước, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hiện nay vẫn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vẫn vắng mặt không có lý do; bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Đ và giao cháu Trinh cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Đ được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà P tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà P, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt vợ chồng không có tiếng nói chung và mâu thuẫn giữa mẹ chồng với con dâu ngày càng trầm trọng. Năm 2016, bà P ra ngoài thuê nhà trọ ở cho đến nay, trong thời gian sống ly thân ông Đ có đến gặp để hàn gắn tình cảm nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống ly thân, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Trần Ngọc T là được ở với mẹ và bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành nên giao cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà P không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà P là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Đức Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Đức Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 13/8/2004 cho bà Trần Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Nguyễn Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh P phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số TU/2019/0002643 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Điền (số 156, quyền số II ngày 23/8/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án....

Võ Hoàng Đức